TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:136/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga

2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu *tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2022/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trí N, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp TV, xã TL, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại 2, Trại giam X – Cục C10 – Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-9-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Về hôn nhân: Bà N đăng ký kết hôn với ông Nh tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 25-10-2016 (giấy đăng ký số 70). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai mai mối, ép buộc. Sau khi kết hôn bà N và ông Nh chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên va chạm, cãi vã nhau. Đến năm 2018 ông Nh phạm tội giết người và đi chấp hành án phạt tù với thời gian 20 năm. Thi thoảng bà N vẫn vào thăm ông Nh trong trại, mỗi lần vào thăm ông Nh đòi hỏi tiền bạc nên vợ chồng hay cãi nhau. Từ năm 2020 đến nay do kinh tế khó khăn bà N phải nuôi con nhỏ nên không có điều kiện vào thăm ông Nh. Nay bà N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Nh không còn nên bà xin ly hôn với ông Nh.

Về nuôi con chung: Bà và ông Nh có 01 con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 27/4/2016. Hiện đang ở với bà N. Nếu ly hôn, bà N có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại bản tự khai đề ngày 08-11-2022 bị đơn ông Nguyễn Trí N trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nh và bà N chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn ông Nh và bà N chung sống không có mâu thuẫn gì, từ ngày 21-3-2018 ông Nh và bà N không sống với nhau nữa lý do ông Nh vi phạm pháp luật. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông Nh đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông Nh và bà N có 01 con chung Nguyễn Quốc A, sinh ngày 27/4/2016. Ông Nh đồng ý để bà N nuôi con, ông Nh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Bà N, ông Nh vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà N, ông Nh nội dung vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kiều N yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Nguyễn Trí N nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; bị đơn ông Nh đang chấp hành án tại địa bàn huyện X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà N, ông Nh vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà N và ông Nh đăng ký hôn vào ngày 25-10-2016 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo bà N từ năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tình tình không hòa hợp cũng từ 2018 đến nay ông Nh đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam X. Ông Nh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, từ năm 2018 ông Nh đi chấp hành án nện vợ chồng không chung sống với nhau. Nay ông Nh đồng ý ly hôn với bà N.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà N, ông Nh đưa ra nhiều nội dung không thống nhất về nguyên nhân, lý do vợ chồng mâu thuẫn nhưng xác định vợ chồng mâu thuẫn là có thật, ông Nh đi chấp hành án từ năm 2018 nên vợ chồng không sống với nhau, tại Tòa bà N khẳng định không còn tình cảm với ông Nh và xin được ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông Nh.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà N và ông Nh xác định có 01 con chung là Nguyễn Quốc A. Sau khi ly hôn bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng, ông Nh đồng ý để bà N nuôi con và ông Nh không cấp dưỡng. Căn cứ và những tài liệu, chứng cứ và sự trình bày của các đương sự và thực tế thì từ khi bà N, ông Nh không chung sống với nhau thì cháu An do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng khỏe mạnh và phát triển bình thường, mặt khác

ông Nh hiện đang chấp hành án trong trại giam nên không có đủ điều kiện để nuôi con chung. Do đó áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Quốc A cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu câu ông Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản:* Bà N và ông Nh đều xác định không có tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đình về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kiều N ly hôn ông Nguyễn Trí N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Quốc A, sinh ngày 27/4/2016 cho bà Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu An thành niên (đủ 18 tuổi). Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Bà N và ông Nh không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011302 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện X;
- Thi hành án dân sự huyện X;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**